TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 10 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh
Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 570/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Ngọc T1, sinh năm 2004; Cư trú: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Nhựt T2, sinh năm 2000; Cư trú: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Hồng L, sinh năm 1979; Cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Ngọc T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Dương Ngọc T1 và anh Đỗ Nhựt T2 kết hôn ngày 20/02/2023 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tin tưởng lẫn nhau. Anh T2 nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị T1 và những người thân trong gia đình chị T1. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do không còn tình cảm với anh T2 nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Đỗ Nhựt Phát, sinh ngày 23/9/2023, hiện nay do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ hụi bà Dương Hồng L số tiền 36.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, chị T1 yêu cầu chia đôi khoản nợ chung, theo đó mỗi người có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên chị T1 không tiếp tục yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu sau này các bên không tự thoả thuận được sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với bị đơn anh Đỗ Nhựt T2: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T2 không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T2 về các nội dung khởi kiện của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Nhựt T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Hồng L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 và bà L.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Ngọc T1 và anh Đỗ Nhựt T2 xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T1 xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do không còn tình cảm với anh T2 nên chị T1 kiên quyết xin ly hôn.

Về phía anh T2, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh T2 không có mặt, điều này cho thấy anh T2 không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị T1.

Do chị T1 và anh T2 đã sống ly thân; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị T1 và anh T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho chị T1 và anh T2 ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Đỗ Nhựt Phát, sinh ngày 23/9/2023, hiện nay do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phát.

Xét thấy, từ khi chị T1 và anh T2 ly thân, cháu Phát do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ; anh T2 không có ý kiến gì đối với việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phát của chị T1; cháu Phát hiện còn rất nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Phát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, giao cháu Phát cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 xác định có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Phát, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con nên anh T2 không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Chị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T2 về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Do bà Dương Hồng L không có yêu cầu độc lập đối với khoản nợ; các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Ngọc T1.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Ngọc T1 và anh Đỗ Nhựt T2.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Nhựt Phát, sinh ngày 23/9/2023 cho chị Dương Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đỗ Nhựt T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phát mà không ai được cản trở; anh T2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phát được sống chung với chị T1; anh T2 không phải cấp dưỡng cho cháu Phát.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Dương Ngọc T1 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 21/8/2024 chị T1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005534 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Ngọc T1 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đỗ Nhựt T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Hồng L có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà